

HỢP TÁC ĐẦU TƯ CỦA ASEAN: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA⁽¹⁾

LÊ PHƯƠNG HÒA*

Mục tiêu xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN nhằm hình thành một thị trường chung cho cả khu vực vào năm 2015. Trong các nội dung hợp tác kinh tế của ASEAN thì hợp tác đầu tư là một trong những ưu tiên hàng đầu. Bài viết này sẽ tập trung nhìn lại hoạt động hợp tác đầu tư của ASEAN trong thời gian qua với những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra của hợp tác đầu tư trong thời gian tới.

1. Những cam kết về văn bản trong hợp tác đầu tư ASEAN

Theo như Kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN, ASEAN cam kết đạt được tự do hóa đầu tư và tự do hóa hơn nữa dòng vốn giữa các nước thành viên vào năm 2015. Tuy nhiên, lịch sử hợp tác từ trước đến nay thì ASEAN vẫn quan tâm chủ yếu đến đầu tư trực tiếp nước ngoài và xem thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là trọng tâm của hợp tác đầu tư ASEAN.

Hợp tác đầu tư ASEAN trước đây được thực hiện thông qua Hiệp định khung về đầu tư ASEAN (AIA) năm 1998. Còn vấn

đề bảo vệ đầu tư thì có thỏa thuận riêng là Hiệp định ASEAN về khuyến khích và bảo hộ đầu tư năm 1987, thường được gọi là Hiệp định bảo lãnh đầu tư ASEAN (IGA).

Hiệp định khung về khu vực đầu tư (AIA) đặt ra mục tiêu cơ bản là Xây dựng một Khu vực Đầu tư ASEAN có môi trường đầu tư thông thoáng và rõ ràng hơn giữa các quốc gia thành viên, nhằm đẩy mạnh đầu tư vào ASEAN từ các nguồn cả trong và ngoài ASEAN; thúc đẩy ASEAN thành khu vực đầu tư hấp dẫn nhất; củng cố và tăng cường tính cạnh tranh của các lĩnh vực kinh tế của ASEAN; và giảm dần hoặc loại bỏ những quy định và điều kiện đầu tư có thể cản trở các dòng đầu tư và sự hoạt động của các dự án đầu tư trong ASEAN

Theo AIA, tất cả các ngành công nghiệp (sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và khai thác mỏ và khai thác đá và các ngành dịch vụ phục vụ cho năm lĩnh vực này) sẽ được mở và đối xử cấp quốc gia cho các nhà đầu tư trước và trong các giai đoạn thành lập, với một số trường hợp ngoại lệ như được liệt kê trong Danh sách

* Ths. Lê Phương Hòa, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

loại trừ tạm thời (TEL) và danh sách nhạy cảm (SL) của các nước thành viên. TEL là được phân theo từng giai đoạn dựa trên các mốc thời gian đã thoả thuận. Mặc dù SL không có một dòng thời gian để loại trừ dần nhưng sẽ được xem xét định kỳ.

Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan của sự phát triển trong và ngoài khối, một số quy định của hai Hiệp định này không còn phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là nhu cầu về hội nhập của khối. Để tăng cường hợp tác trong khu vực, tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút đầu tư nước ngoài vào ASEAN và cũng để phù hợp hơn với tầm nhìn của một cộng đồng kinh tế ASEAN thống nhất, năng động đòi hỏi phải có một văn bản hoàn chỉnh điều chỉnh toàn diện lĩnh vực đầu tư trong ASEAN. Chính vì vậy, các nước thành viên ASEAN đã cùng thống nhất quan điểm soạn thảo văn bản mới thay thế hai văn bản hiện hành.

Có thể nói rằng, sự ra đời của Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) đã khẳng định quyết tâm của các nước thành viên ASEAN trong việc hướng tới mục tiêu cao nhất về hội nhập kinh tế của Cộng đồng kinh tế ASEAN bằng việc tạo ra thể chế đầu tư tự do, mở cửa hơn.

ACIA được soạn thảo trên cơ sở các nguyên tắc có kế thừa quy định của hai Hiệp định AIA và IGA, đồng thời đưa vào một số quy định mới phù hợp hơn với cơ chế tự do hóa đầu tư, đặc biệt quan tâm đến lợi ích của các nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ. Về cơ bản, phạm vi điều chỉnh của ACIA vẫn giữ nguyên quy định của hai Hiệp định AIA và IGA, tuy nhiên

đối tượng hưởng lợi của Hiệp định được mở rộng đối với nhà đầu tư của nước thứ ba có hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lãnh thổ của nước thành viên ASEAN.

Về biện pháp áp dụng, theo khoản 1 Điều 3 các biện pháp được một nước thành viên áp dụng có liên quan đến nhà đầu tư và khoản đầu tư sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của ACIA (nhà đầu tư có nghĩa là một thể nhân hoặc pháp nhân của nước thành viên đang đầu tư hoặc đã đầu tư trên lãnh thổ của nước thành viên khác. Khoản đầu tư có nghĩa là tất cả các loại tài sản do nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát, như các loại giấy tờ có giá trị, quyền về tài chính). Các biện pháp được nhắc đến trong điều khoản này bao gồm các luật, quy định, quy tắc, thủ tục, quyết định và các hoạt động quản trị hành chính hay những thông lệ được chính quyền trung ương, khu vực, địa phương và các tổ chức phi lợi nhuận (được chính quyền trung ương, khu vực, địa phương ủy quyền thực hiện) áp dụng. ACIA ra đời và thay thế hai Hiệp định AIA và IGA, do vậy, sẽ điều chỉnh cả các khoản đầu tư tồn tại trước thời điểm có hiệu lực của Hiệp định và cả các khoản đầu tư được thực hiện sau khi ACIA có hiệu lực.

Về tự do hóa đầu tư, ACIA vẫn giữ nguyên quy định của AIA đối với các ngành kinh tế và không điều chỉnh tự do hóa đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo đó chỉ điều chỉnh các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; thủy sản; lâm nghiệp; khai khoáng và khai thác đá và các dịch vụ liên quan của các lĩnh vực này. Ngoài ra, ACIA còn quy định cho phép tự do hóa đối với bất kỳ lĩnh vực nào được các nước thành viên nhất trí, quy định này nhằm cho phép

tự do hóa một số lĩnh vực, dịch vụ khác sẽ phát sinh trong tương lai.

Về bảo hộ đầu tư, kế thừa quy định của IGA, ACIA bảo hộ cho tất cả các lĩnh vực, hình thức đầu tư và chỉ bảo hộ cho các khoản đầu tư sau khi thành lập, trừ các biện pháp gây ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ trong phạm vi quy định của Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ mà các nước thành viên áp dụng. Vì mục đích bảo hộ đầu tư liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo phương thức hiện diện thương mại các quy định về đối xử đầu tư; bồi thường trong trường hợp mất ổn định; chuyển tiền; tịch biên và bồi thường; thế quyền và các quy định về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nước thành viên sẽ được áp dụng. Trong từng trường hợp cụ thể việc áp dụng các quy định này có thể sẽ điều chỉnh cho phù hợp với tình hình theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá nghĩa vụ cam kết trong Hiệp định.

ACIA không điều chỉnh tất cả các biện pháp thuế (ngoại trừ quy định tại Điều 13 (chuyển tiền) và Điều 14 (tịch biên tài sản và bồi thường) của Hiệp định); trợ cấp của Chính phủ; mua sắm Chính phủ; cung cấp dịch vụ của cơ quan nhà nước, kể cả cơ quan, tổ chức được nhà nước ủy quyền (gồm tất cả các loại hình dịch vụ vì mục đích lợi nhuận hay để cạnh tranh) và biện pháp của nước thành viên gây ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ theo Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS).

ACIA được đánh giá là bước tiến quan trọng của các nước thành viên ASEAN trong việc thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác phát triển kinh tế của mỗi nước.

Trong suốt quá trình đàm phán, soạn thảo và ký kết Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN, tất cả các nước đều mong muốn tạo ra môi trường đầu tư tự do minh bạch, cạnh tranh, công bằng và do vậy đã đưa ra một số nguyên tắc cơ bản làm cơ sở cho việc soạn thảo văn bản, đây đồng thời cũng là những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định.

Như vậy, sự ra đời của ACIA là kết quả và là yêu cầu của quá trình hợp tác đầu tư nói riêng và hội nhập kinh tế ASEAN nói chung nhằm hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý cho tự do hóa đầu tư. ACIA ra đời là một công cụ để thực hiện kế hoạch hành động xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN. Do vậy, với mục tiêu cuối cùng là sự hội nhập kinh tế toàn diện và hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN vào 2015, việc thực thi ACIA không thể tách rời quá trình xây dựng AEC. Với những cải thiện của mình trong các quy định đầu tư, ACIA hy vọng sẽ mang lại sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

2. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua xu hướng dòng chảy FDI thế giới vẫn tập trung chủ yếu vào các nước phát triển trong đó Mỹ và EU 25 chiếm hơn ½ lượng FDI toàn cầu. Tuy nhiên đối với khu vực các nước đang phát triển thì lượng FDI tập trung khá nhiều vào khu vực Đông và Đông Nam Á với sự nổi lên của nhân tố Trung Quốc và ASEAN. Tính theo tỷ trọng FDI toàn cầu thì FDI vào ASEAN tăng nhanh từ 1,67% năm 2000 lên đỉnh là 4,75% năm 2004 và giảm dần còn 3,94% năm 2006⁽²⁾. Nếu nhìn về quy mô dòng vốn chảy vào ASEAN thì

thấy dòng vốn tăng khá nhanh và chắc chắn từ năm 2000 (23.656 tỷ USD) đến 2007 (73.971 tỷ USD) nhưng lại sụt giảm mạnh ngay năm 2008 còn 47.289 tỷ USD và 36.806 tỷ USD năm 2009. Sự sụt giảm dòng chảy FDI vào ASEAN một cách nhanh chóng trong năm 2008 xuất phát từ nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới. Cuộc khủng hoảng này không chỉ tác động đến các nước ASEAN mà tác động đến cả thế giới, nghĩa là đến nguồn FDI của thế giới. Bên cạnh nguyên nhân của khủng hoảng thì nhân tố Trung Quốc cũng là một trong những tác động làm lệch dòng chảy FDI khỏi khu vực ASEAN vì Trung Quốc ngoài việc có nhiều lợi thế để thu hút FDI hơn ASEAN từ đầu thế kỷ mà còn là nước phục hồi khá nhanh chóng trước tác động của khủng hoảng tài chính so với các nước ASEAN. Thực tế những năm cuối của thập niên đầu thế kỷ 21 dường như lại tái hiện lại tình huống của dòng FDI vào ASEAN những năm sau khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998.

Tuy nhiên đến năm 2010 dòng vốn FDI của ASEAN đã có sự tăng trưởng ngoạn mục cả về quy mô và tốc độ so với các năm trước đó. Điều này phản ánh triển vọng kinh tế thuận lợi của khu vực cũng như sự nhìn nhận lạc quan của các nhà đầu tư đối với khu vực khi mà các biện pháp hỗ trợ đầu tư và thương mại đã và đang tích cực được triển khai. FDI tăng từ 37,8 tỷ USD năm 2009 lên 75,8 tỷ USD năm 2010, đạt mức tăng cao nhất từ trước đến nay (nếu tính theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm là 100%). Mức tăng này vượt qua cả mức trung bình của thời kỳ tăng trưởng cao của FDI

(2004-2007) là 52,3 tỷ USD/ năm. Tuy đạt được mức tăng kỷ lục nhưng nếu so với FDI thế giới thì FDI vào ASEAN vẫn chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn (chỉ chiếm khoảng 10% mức trung bình trong 10 năm qua)

Dòng vốn FDI vào ASEAN năm 2010 tiếp tục tập trung vào các nước phát triển (chiếm khoảng 87% trên tổng số). Singapore tiếp tục là điểm đến của các dòng đầu tư (35,5 tỷ USD hoặc 47% trên tổng số), tiếp theo là Indonexia với 13,3 tỷ USD, Malaixia với 9,1 tỷ USD và Việt Nam với 8 tỷ USD. Sự nổi lên của Indonexia trong top 20 quốc gia dẫn đầu về thu hút FDI trên thế giới để lại nhiều dấu ấn sau nhiều năm tăng trưởng FDI không đều. Đây là lần đầu tiên con số FDI của Indonexia vượt quá hai con số (cao gấp 4 lần mức trung bình chung 10 năm trước đó). Phần lớn dòng vốn đầu tư là đầu tư của chủ sở hữu hoặc lợi nhuận tái đầu tư và đầu tư vào những dự án nhỏ, có khả năng sinh lợi nhanh hơn là những dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng truyền thống với thời gian quay vòng vốn lớn. Ngoại trừ Philippine thì dòng FDI vào các nước ASEAN năm 2010 đều cao hơn năm 2009. Trường hợp của Philippine có thể do động thái chờ đợi trước bầu cử của Philippine. Tốc độ tăng trưởng cao vẫn được duy trì ở Singapore và Brunei, các nước còn lại thì có sự phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt là ở Indonexia và Malaixia. Trong khi các nhân tố trong nước có thể có những tác động đáng kể lên dòng vốn vào thì dòng vốn trong khu vực tiếp tục biến động nhiều hơn và nhạy cảm hơn với chu kỳ kinh tế của toàn cầu. Điều này thể hiện và cho thấy dòng vốn FDI của ASEAN thường thay đổi và gây khó khăn cho việc quản lý.

Về cơ cấu vốn, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận tái đầu tư tiếp tục là những động lực chính của tăng trưởng FDI ở ASEAN. Vốn chủ sở hữu tăng trở lại 50,1 tỷ USD năm 2010. Trong lịch sử thu hút FDI của ASEAN thì vốn chủ sở hữu là một nguồn quan trọng. Vốn chủ sở hữu chiếm một phần đáng kể trong sự thay đổi dòng vốn đầu tư nước ngoài ở Campuchia, Indonexia, Malaixia và Singapore. Riêng năm 2010, vốn chủ sở hữu góp 73,1% vào tăng trưởng FDI của khu vực. Lợi nhuận tái đầu tư cũng có những đóng góp đáng kể cho tăng trưởng FDI (gần 30%). Điều này cho thấy một phần đáng kể từ thu nhập đã được giữ lại để trong khu vực phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh. Tái đầu tư từ lợi nhuận chiếm tỷ lệ đáng kể trong đầu tư ở Indonexia và Malaixia nhưng lại hạn chế ở Thái Lan. Vốn vay đầu tư giữa các công ty trong hệ thống toàn cầu tăng trưởng chậm, điều này cho thấy hoạt động của các công ty mẹ ở ngoài khu vực vẫn còn chưa thực sự phục hồi và ổn định sau khủng hoảng. Thực tế phần vốn vay này trong tổng tăng trưởng FDI ở Campuchia, Malaixia, Singapore và Việt Nam đạt mức âm.

Một yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng FDI trong khu vực năm qua là từ xu hướng sát nhập và mua lại (M&A) của các công ty. Trong năm 2010, giá trị mua M&A xuyên biên giới ở ASEAN tăng hơn 200% với 14 tỷ USD trong khi đó các vụ bán M&A giảm, 21% còn 10 tỷ USD. Theo một nghiên cứu của Pickering Pacific (2011) thì trong số 2.337 thương vụ M&A được ghi nhận năm 2010 thì có khoảng 33% được thực hiện trong ngành công nghiệp và tài

chính, đặc biệt là trong các hoạt động xây dựng nhà cửa, cơ sở hạ tầng và ngân hàng. Mặc dù thị trường M&A của ASEAN còn nhỏ nhưng M&A đang dần chiếm một vị trí quan trọng trong FDI của khu vực. Các hoạt động gần đây cho thấy các công ty nước ngoài đang mở rộng hoạt động tại khu vực thông qua hoạt động M&A. Tuy nhiên với đặc thù của ASEAN thì hiện vẫn còn những trở ngại cho hoạt động này.

Về nguồn đầu tư, các nước Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Nhật Bản vẫn giữ vị trí là nhà cung cấp hàng đầu các quỹ đầu tư trực tiếp đến ASEAN, chiếm khoảng 45% tổng số dòng FDI. Xu hướng này tuy ở mức cao nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình (51%) của họ trong thập kỷ qua. Thị phần của Nhật Bản vẫn ổn định trong những năm qua trong khi thị phần của các nước châu Âu đã thực sự giảm so với thị phần trung bình trước đó. Sau khi chậm lại trong năm 2008, đầu tư của Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ bắt đầu tăng trở lại trong năm 2009 và tiếp tục đà đi lên của họ năm 2010. Các nhà cung cấp vốn không truyền thống khác như Australia, Trung Quốc và Hàn Quốc đã tăng thị phần FDI vào ASEAN với mức đầu tư 8,2 tỷ USD năm 2010 (10,9% thị phần) tăng từ mức trung bình là 3,2 tỷ USD (6,3% thị phần) mỗi năm trong 10 năm gần đây. Lần đầu tiên trong nhiều năm qua đầu tư nội khối của ASEAN đạt 10 tỷ USD chiếm 16% tổng số vốn đầu tư FDI vào khu vực, vượt xa con số 9,6 tỷ USD năm 2007 và đạt mức bình quân trong 15 năm (1995-2009). Số lượng lớn của các dòng vốn hướng tới Indonesia (5,9 tỷ USD), Singapore (3,3 tỷ USD) và Việt Nam (1,3 tỷ USD).

Mặc dù có được xu hướng tăng như trên trong đầu tư nhưng những số liệu hiện nay cho thấy ASEAN vẫn cần tăng hơn nữa tỷ lệ đầu tư nội khối. Luôn có những sự cạnh tranh nhất định đối với nguồn vốn nước ngoài giữa các nền kinh tế mới nổi trên thế giới, thế nên đầu tư nội khối là nguồn quan trọng để tăng tổng đầu tư của ASEAN. Trong khi vốn đầu tư tư nhân đã quay trở lại khu vực thì cũng cần xem đầu là điểm đến của dòng FDI từ các nước ASEAN. Cho đến năm 2010 thì ASEAN vẫn chưa đẩy mạnh dòng FDI của mình ra ngoài khu vực và ít biến động trong 15 năm qua. Trong suốt thời kỳ 1995-2009, sự biến động của dòng FDI vào (420,1 tỷ USD) đã tăng lên đáng kể so với dòng FDI ra (107,9 tỷ USD). Mặc dù tổng dòng chảy ra tiếp tục phục hồi trong năm 2010 (tăng thêm 24,7% lên 42,2 tỷ USD) từ mức giảm của năm trước đó thì cũng không có một mô hình cụ thể nào thể hiện dòng chảy của FDI đi ra. Singapore và Malaixia vẫn là những nước chủ yếu đầu tư ra bên ngoài của khu vực, chiếm tương ứng 46,7% và 31,5% trong tổng dòng vốn ra của khu vực năm 2010. Điều này cho thấy đây là 2 nguồn đầu tư quan trọng của ASEAN.

3. Những vấn đề đặt ra

Kể từ khi thực thi Hiệp định đầu tư ASEAN (AIA) năm 1998, ASEAN đã cam kết tăng cường cơ chế đầu tư của mình. Cam kết này tiếp tục được tăng cường với việc ký kết Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) trong năm 2009. Theo như cam kết trong cộng đồng kinh tế ASEAN, tự do hóa dòng vốn đầu tư được xem là một biện pháp then chốt để đạt được một thị

trường hội nhập chung và một cơ sở sản xuất thống nhất vào năm 2015, cùng với sự di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, lao động có kỹ năng và dòng vốn. Trong khi tiến trình này đang được thực thi thì việc hình thành một khu vực với tư cách là một thị trường đầu tư chung là không dễ dàng.

Thách thức trước mắt đối với ASEAN là làm thế nào để duy trì dòng FDI trong khi phải đối mặt với sự thay đổi môi trường đầu tư và một thế giới toàn cầu bất ổn. Một thay đổi mà ASEAN phải đối phó là sự suy thoái trong tính thanh khoản và điều kiện tài chính toàn cầu trong vài năm tới khi mà những quy định nghiêm ngặt trong khu vực tài chính có hiệu lực. Theo IMF, hậu quả của dự suy toái này là sự cạnh tranh mãnh liệt để thu hút FDI, đặc biệt là giữa các quốc gia đang phát triển.

Do FDI là một nguồn chính trong các nguồn vốn tư nhân ở các nền kinh tế đang phát triển, nên một sự thay đổi trong các dòng vốn này sẽ tác động trực tiếp đến cấu tài chính cũng như cung về vốn của các nước này.

Mặc dù có những tiến bộ trong tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực nhưng tổng đầu tư FDI trong ASEAN vẫn còn tương đối nhỏ. Đến cuối 2010, dòng đầu tư vào đây vẫn chỉ chiếm 4,2% tổng GDP của ASEAN, bằng mức trung bình 15 năm trước đó và vẫn thấp hơn mức trước 2007 (khi đó dòng đầu tư đạt 5,8% GDP). Điều này làm dấy lên sự lo ngại về khả năng tự do hóa đầu tư để tăng mức đầu tư nội khối và năng suất sản xuất. Đầu tư nội khối trong ASEAN vẫn chậm chạp và đã giảm so với cơ cấu GDP kể từ năm 1997. Do vậy

hầu hết các nền kinh tế ASEAN đang đầu tư ở mức thấp bởi tiết kiệm trong nước và thặng dư tài khoản hiện tại không cao.

Sự đóng góp của đầu tư vào tăng trưởng cũng không ổn định. Các nhà đầu tư nước ngoài phản ứng trực tiếp đối với các đặc điểm quốc gia trong quyết định đầu tư, bất kỳ sự thay đổi trong các điều kiện kinh doanh đều có thể tác động đến dòng đầu tư. Vì thế, ASEAN cần phải có những phản ứng nhanh chóng để loại bỏ các rào cản đầu tư nhằm làm cho khu vực trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư

Môi trường chính sách của các nước ASEAN đã có những hỗ trợ cho đầu tư xét về mặt chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường và vận hành các công ty nước ngoài. Chẳng hạn, trước hậu quả của khủng hoảng tài chính toàn cầu và để giữ chân dòng đầu tư trong khu vực, nhiều biện pháp liên quan đến đầu tư đã được các nước ASEAN thực thi nhằm thúc đẩy tự do hóa và thuận lợi hóa đầu tư. Những biện pháp này bao gồm cả việc tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư vào những ngành nhất định như ngành Ngân hàng ở Malaixia, công nghiệp hàng không ở Philippine, thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài của Thái Lan, các biện pháp về thuế ở Việt Nam và thành lập các đặc khu kinh tế ở Mianma. Kể từ khi ACIA được ký kết, các nước thành viên đã có những hành động tích cực ở mỗi nước để hỗ trợ cho việc tự do hóa đầu tư. Những thay đổi chính sách ở trên dù trực tiếp hay gián tiếp đều có những tác động tích cực đến quá trình hội nhập kinh tế của ASEAN.

Lợi thế của ASEAN trong hội nhập khu vực có thể là cơ hội để tạo ra dòng vốn đầu

tư cho khu vực. Hội nhập kinh tế được nhìn nhận là để tạo ra cửa cải và thị trường, điều này sẽ khiến cho khu vực trở nên hấp dẫn hơn. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng ASEAN đang phải cạnh tranh với những nhóm khu vực khác có chung mục tiêu trong việc hình thành một thị trường chung. Do vậy, sự tin cậy vào quá trình hội nhập là rất cần thiết để thu hút các nhà đầu tư. Và điều này được đảm bảo tốt nhất nếu những sáng kiến khu vực được thực thi với sự quan tâm đến một thị trường chung. Như đã đề cập, các nhà đầu tư có xu hướng đến những nước mà có các cơ chế đầu tư cởi mở và minh bạch.

Vì vậy, để đảm bảo độ tin cậy cho các nhà đầu tư nước ngoài, ASEAN cần phê chuẩn *Hiệp ước toàn diện về đầu tư* càng sớm càng tốt. Hiệp ước đã được ký kết 2 năm trước nhưng đến nay thì vẫn chưa được phê chuẩn. Hiện tại danh mục hạn chế (reservation lists) đã được hoàn thiện và các quan chức đã đồng ý về phương thức loại bỏ danh sách theo thời gian. Nhưng điều quan trọng là chính phủ các nước phải thực sự nỗ lực để thực hiện ACIA sớm nhất có thể để đảm bảo sự đáng tin cậy của Hiệp ước. Hơn nữa, cũng có những điều khoản trong ACIA như thời hạn mục tiêu cho tự do hóa đầu tư và điều khoản về đối xử ưu đãi, những điều khoản này cần xem xét lại để đảm bảo rằng ACIA hướng tới kết quả đầu tư tối ưu cho ASEAN.

Việc liên kết các mục tiêu đầu tư theo ACIA với những mốc thời gian và cam kết theo Kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN là rất cần thiết, đặc biệt trong vấn đề tự do hóa thương mại và hội nhập tài chính. Rõ ràng dòng vốn đầu

tư không phải tự nhiên mà đến, việc cần nhắc xem đầu tư vào đầu phụ thuộc nhiều vào dòng thương mại và tài chính, đặc biệt là trong những vấn đề liên quan đến thuế, quy tắc xuất xứ, các rào cản phi thuế quan, quản lý vốn và tỷ giá. Hiện tại ASEAN đang sử dụng AEC Scorecard như là công cụ để đảm bảo sự tuân thủ nhưng để giám sát toàn diện diện hơn nữa thì cần phải đảm bảo rằng hội nhập vẫn đang đi đúng đường của nó. Điều này cũng sẽ làm cho quá trình hội nhập ASEAN đáng tin cậy hơn trong mắt nhà đầu tư.

Triển vọng về dòng đầu tư ASEAN nên được xem xét một cách thận trọng. Các nhà hoạch định chính sách trong khu vực phải hành động ngay để làm cho môi trường kinh tế vĩ mô dần hồi tốt để đối phó với các cú sốc bất ngờ, qua đó sẽ hỗ trợ cho sự phục hồi kinh tế được tốt hơn. Một ưu tiên quan trọng là làm cho hệ thống tài chính mạnh mẽ hơn, đặc biệt là trong việc quản lý các dòng vốn. Mặc dù có sự gia tăng trong FDI năm 2010 nhưng phải luôn thấy rằng FDI không thể thay thế để hình thành đầu tư trong nước. Trong khi thấy rằng FDI có những ưu việt hơn các dòng đầu tư khác thì chính phủ cũng nên thấy rằng FDI chỉ là để hỗ trợ cho tổng thể đầu tư trong nước. Đầu tư trong nước vẫn sẽ là nhân tố chính để đảm bảo sự phát triển và tăng trưởng kinh tế ổn định, do đó nên còn được ưu tiên.

Có thể thấy, hợp tác đầu tư là một phần trong kế hoạch tổng thể để xây dựng AEC nên vẫn đang được ASEAN tích cực triển khai và hoàn thành cơ bản vào 2015 cùng với sự ra đời của AEC. Nhưng rõ ràng, bản thân ASEAN cũng không lường trước được

những khó khăn do khủng hoảng gây ra, và do đó những kết quả mà hợp tác đầu tư mang lại trên thực tế không đạt được như mong đợi khi soạn thảo ACIA vào năm 2007. Quá trình phê chuẩn và thực thi ACIA cũng theo đó bị trì hoãn đặc biệt là đối với danh mục hạn chế đầu tư. Để thực thi hợp tác đầu tư đòi hỏi không chỉ các biện pháp riêng rẽ liên quan đến đầu tư mà còn bao gồm cả các biện pháp liên quan đến vấn đề kinh tế nói chung. Như vậy, nếu nói đến triển vọng thực thi hợp tác đầu tư theo như ACIA vào 2015 thì về cơ bản sẽ hoàn tất với quyết tâm hình thành AEC, nhưng thực tế triển khai thì còn phải trông đợi vào quyết tâm chính trị cũng như những vấn đề về cân bằng lợi ích quốc gia và khu vực của các nước thành viên/.

CHÚ THÍCH

1. Số liệu sử dụng trong báo cáo này được khai thác từ webside của Ban thư ký ASEAN, mục số liệu thống kê về đầu tư ASEAN, <http://www.aseansec.org/18144.htm>.
2. UNCTAD FDI statistic 2007.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

<http://www.aseansec.org>.
<http://www.moc>.
<http://www.unctad.org>.
<http://www.asean.or.jp>.
<http://www.mof.gov.vn>.
<http://www.mpi.gov.vn>.
<http://www.fetp.edu.vn>
<http://www.vneconomy.com.vn>